

Bản án số: 256/2022/DS-PT

Ngày: 21-12 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhon – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2022/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 4, khu 5, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đinh Thanh H, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ **Lê Thị H1**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 43/5B, khu 5, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2/ **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp Giồng Thanh Bạch, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3/ **Vương Kim H2**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 43B, khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4/ **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 62/7A, khu 5, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

5/ **Lâm Thị A**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 40/4, khu 5, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

6/ **Văn Thanh N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 31C, khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo: nguyên đơn Phạm Thị Hồng Loan.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L trình bày:

Vào năm 2016 đến năm 2018 chị có làm chủ hội trong đó chị T có tham gia 05 dây hội loại hội 2.000.000đ và loại hội 5.000.000đ (trong đó chị T tham gia 08 phần hội), sau khi tham gia hội thì chị T đã kêu lĩnh hội xong nhưng chị T không góp hội chết lại cho chị, chị đã góp tràn cho các hội viên khác đã xong và hiện các dây hội này đã mãn. Chị có liên hệ chị T nhiều lần để yêu cầu chị T trả số tiền hội còn nợ nhưng chị T không trả, tổng số tiền hội chị T còn nợ chị là 494.000.000đ. Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị khởi kiện yêu cầu chị T, anh H có nghĩa vụ liên đới trả chị số tiền hội còn nợ là 494.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng*), ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai đề ngày 08 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị xác định việc chị L khởi kiện chị và yêu cầu chị trả số tiền hội còn nợ là 494.000.000đ là không đúng. Vì các dây hội chị L khởi kiện chị từ dây số 01 mở ngày 10/9/2016 đến dây hội mở ngày 30/6/2017a) hiện các

dây hội này đã mãn vào năm 2018, 2019 và chị đã hoàn thành các dây hội này với chị L. Nay chị L khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội còn nợ 494.000.000đ chị không đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Thanh H bày trình bày: Anh là chồng của chị T việc chị T có tham gia hội của bà L mục đích là sử dụng sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Nay chị L yêu cầu anh cùng chị Thủy trả số tiền hội còn nợ anh không đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2021 chị L cho rằng chị T có trả cho chị được số tiền 12.820.000đ. Nay chị yêu cầu chị T trả cho chị số tiền hội còn nợ 481.180.000đ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 30 nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2016 của chính phủ; Điều 27, 30 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L đối với bị đơn chị Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Thanh H trả số tiền hội còn nợ 481.180.000đ (*Bốn trăm tám mươi một triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

* Ngày 10/10/2022 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung như sau: yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thanh T và anh Đinh Thanh H liên đới trả tiền hội còn thiếu là 481.180.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, việc chị L yêu cầu bị đơn chị T cùng chồng là anh H có trách nhiệm trả số tiền nợ hội 481.180.000đ là không có cơ sở chấp nhận vì phía bị đơn không thừa nhận còn

nợ tiền hội mặt dù trước đây là hội viên đã tham gia nhiều dây hội mỗi dây hội có góp nhiều phần hội đến khi mãn bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ hội và đã kết thúc từ năm 2018 -2019. Ngoài lời trình bày, sổ hội, danh sách hội, người ghi trong sổ hội đều do nguyên đơn tự ghi và theo dõi việc góp hội của các hội viên mà không được các hội viên và bị đơn ký tên xác nhận. Từ thời điểm mãn hội đến thời điểm khởi kiện gần 3 năm. Nhưng nguyên đơn không chốt nợ với bị đơn cũng không có động thái đòi nợ. Nguyên đơn không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh để bảo vệ cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với các biên bản lấy lời khai của nhân chứng chỉ nghe nói bị đơn thủy có nợ, khi các dây hội đã kết thúc, nhưng không biết nợ dây nào, số tiền là bao nhiêu cho nên những lời khai này không được xem là chứng cứ để xác định bị đơn nợ tiền hội nguyên đơn. Từ thời điểm kết thúc việc chơi hội đã 3 năm nhưng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn xác nhận nợ mặt dù gặp nhau thường xuyên. Nguyên đơn cũng không gửi đơn đến cơ quan nào để yêu cầu giải quyết việc bị đơn có nợ. Trong khi số tiền nguyên đơn yêu cầu tương đối lớn. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 10/10/2022 nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; theo quy định tại Điều 273 được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L cho rằng dây hội bị đơn tham gia chơi đã lâu và đã mãn hội. Mãn hội là do nguyên đơn duy trì các dây hội này để đảm bảo quyền lợi cho các hội viên khác, bị đơn đã hốt hội không đóng hội chết nhưng nguyên đơn có biện pháp chằng hội để các dây hội không bị bể. Ngoài lời trình bày chị L không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặc khác, hội đã mãn từ lâu chị cũng không có động thái nào để yêu cầu bị đơn chị T xác nhận là còn nợ hội chị số tiền bao nhiêu; các dây hội, danh sách hội viên, chị là người ghi sổ hội chị T cũng không có ký xác nhận còn nợ hội.

Tại các biên bản ghi lời khai của những người làm chứng do chị L cung cấp thì những người này khai chỉ nghe chị L nói là chị T hốt hụi nhưng không đóng hụi chết. Những lời trình bày này cũng không biết được nợ dây hụi nào, nợ số tiền bao nhiêu nên cũng không đủ chứng cứ xác định là bị đơn chị T còn nợ số tiền như nguyên đơn chị L yêu cầu.

Ngoài những lời trình bày và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 30 nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2016 của chính phủ; Điều 27, 30 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L đối với bị đơn chị Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Thanh H trả số tiền hụi còn nợ 481.180.000đ (*Bốn trăm tám mươi một triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng*).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014842 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. Trà Ôn: 01b;
- Chi cục THADS H. Trà Ôn : 01b;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Lạc